

Số: 3834412

| | FUSO FA140L - Thùng kín | TOWNER V2.7-5S |
|----------------------------------|---|---|
| Giá niêm yết: | 780.500.000đ | 384.000.000đ |
| KÍCH THƯỚC: | | |
| Kích thước tổng thể(DxRxC) | 8.050 x 2.340 x 3.310 mm | 4.800x1.690x2.000 mm |
| Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC) | 6.100 x 2.220 x 2.095 mm | 1.905x1.505x1.240 mm (3.55 m ³) |
| Chiều dài cơ sở | 4.250 mm | 3.135 mm |
| Vết bánh xe trước/sau | 1.790/1.690 mm | 1.442/1.455 mm |
| KHỐI LƯỢNG: | | |
| Khối lượng bản thân | 4.505 kg | 1400 kg |
| Khối lượng chở cho phép | 6.500 kg | 750 kg |
| Khối lượng toàn bộ | 11.200 kg | 2475 kg |
| Số chỗ ngồi | 3 chỗ | 5 |
| ĐỘNG CƠ: | | |
| Tên động cơ | 4D37 100 | DAM16KR |
| Loại động cơ | Diesel 04 kỳ, 04 xi lanh thẳng hàng, tăng áp - làm mát bằng nước | Hệ thống phun xăng điện tử EFI (Electronic Fuel Injection) giúp động cơ vận hành êm dịu, tiết kiệm nhiên liệu |
| Dung tích xi lanh | 3.907 cc | 1.597 cc |
| Công suất cực đại/ tốc độ quay | 136 / 2.500 Ps/(vòng/phút) | 122/6.000 Ps/(vòng/phút) |
| Mô men xoắn/ tốc độ quay | 420/1.500 - 2500 N.m/(vòng/phút) | 158/4.400 - 5.200 N.m/(vòng/phút) |
| TRUYỀN ĐỘNG: | | |
| Ly hợp | 01 đĩa, ma sát khô, dẫn động thủy lực | 01 đĩa, ma sát khô, dẫn động cơ khí |
| Hộp số | Mitsubishi Fuso M036-S6, 6 Số sàn, 6 số tiến + 1 số lùi | DONGAN, DAM16KR Số sàn, 5 số tiến, 1 số lùi |
| Tỷ số truyền | I: 5,4; II: 3,657; III: 2,368; IV: 1,465; V: 1,000; VI: 0,711; R: 5,4 | ih1 = 4,04; ih2 = 2,165; ih3 = 1,395; ih4 = 1; ih5 = 0,779; iR: 3,744 |
| HỆ THỐNG PHANH: | | |
| Hệ thống phanh | Tang trống, khí nén toàn phần, 2 dòng | Dẫn động thủy lực, ABS |
| HỆ THỐNG TREO: | | |
| Trước | Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực | Macpherson |
| Sau | Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực | Nhíp lá, giảm chấn thủy lực |
| LỐP XE: | | |
| Trước/Sau | 8.25R16 | 195/70R15C |
| ĐẶC TÍNH: | | |
| Khả năng leo dốc | 23 % | >= 20% |
| Bán kính quay vòng nhỏ nhất | 8,35 m | 6.5 m |
| Tốc độ tối đa | 80 km/h | 118 km/h |
| Dung tích thùng nhiên liệu | 200 lít | 43 lít |
| HỆ THỐNG LÁI: | | |
| Hệ thống lái | Trục vít - ê cu bi; Dẫn động cơ khí, trợ lực thủy lực | Thanh răng - bánh răng Trợ lực điện |